

Chính sách thuế đối với tài sản số: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho thị trường thí điểm Việt Nam

Digital asset taxation policy: International experiences
and recommendations for Vietnam's pilot market

TS. Bùi Thị Mến, TS. Phạm Đức Anh*

● Ngày nhận bài: 21/4/2025 ● Ngày biên tập: 01/5/2025 ● Ngày duyệt đăng: 09/9/2025

Tóm tắt:

Tài sản số, tiêu biểu trong đó là tài sản mã hóa đang phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu và đặt ra những thách thức không nhỏ cho công tác quản lý thuế. Bài viết phân tích kinh nghiệm quốc tế về chính sách thuế đối với tài sản số tại một số quốc gia trên thế giới, trên cơ sở đó đánh giá mô hình thí điểm thị trường tài sản mã hóa mà Việt Nam đã chính thức triển khai từ ngày 09/9/2025 theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP của Chính phủ. Các thách thức được hệ thống hóa bao gồm tính ẩn danh, khó khăn trong xác định bản chất giao dịch và yêu cầu dữ liệu phức tạp. Dựa trên kinh nghiệm quốc tế và thực trạng mô hình thí điểm hiện tại, bài viết đánh giá ưu điểm của việc áp dụng chế độ thuế chứng khoán đối với tài sản mã hóa và đề xuất các khuyến nghị hoàn thiện chính sách thuế trong giai đoạn thí điểm tại Việt Nam. Những khuyến nghị này nhằm đảm bảo nguồn thu ngân sách, thúc đẩy thị trường tài sản số bền vững và hỗ trợ chuyển đổi số tại Việt Nam.

Từ khóa:

Tài sản số, tài sản mã hóa, thuế, thuế lãi vốn, Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP

Abstract:

Digital assets, particularly crypto assets, are experiencing rapid global growth and pose significant challenges for tax administration. This article analyzes international experiences in tax policies concerning digital assets in various countries worldwide, and evaluates the pilot crypto asset market model that Vietnam officially launched on September 9, 2025, under Government's Resolution No. 05/2025/NQ-CP. Key challenges are systematized, including anonymity, difficulties in determining transaction nature, and complex data requirements. Based on international experiences and the current pilot model, the article assesses the advantages of applying a securities taxation framework to crypto assets and proposes recommendations for refining tax policy during Vietnam's pilot period. These recommendations aim to ensure fiscal revenue, promote sustainable digital asset markets, and support Vietnam's digital transformation.

Keywords:

Digital assets, crypto assets, taxation, capital gains tax, Resolution No. 05/2025/NQ-CP

1. Giới thiệu

Tài sản số đang tăng trưởng nhanh chóng, phản ánh xu hướng số hóa không thể đảo ngược trong hệ thống tài chính toàn cầu. Theo nghiên cứu của Boston Consulting Group (2023), ước tính đến năm 2030, tài sản dạng token sẽ chiếm 10% GDP toàn cầu, tương đương 16.100 tỉ USD, con số đáng chú ý minh chứng cho tiềm năng kinh tế to lớn của loại tài sản mới này. Tại Việt Nam, theo báo cáo của Hiệp hội Blockchain, nước ta đang đứng trong top 10 thế giới về tỉ lệ người sở hữu tiền mã hóa, phản ánh mức độ thâm nhập đáng kể của các loại tài sản kỹ thuật số trong đời sống kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, song hành với tiềm năng phát triển, việc quản lý và đánh thuế đối với loại tài sản này đang đặt ra nhiều thách thức phức tạp và đa chiều cho các cơ quan quản lý, không chỉ ở Việt Nam mà còn ở phạm vi toàn cầu.

Ngày 09/9/2025, Chính phủ chính thức ban hành Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam, đánh dấu bước chuyển mình từ "vùng xám" pháp lý sang một khung quản lý có kiểm soát và cụ thể. Đặc biệt, khoản 9 Điều 4 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP đã quy định rõ rằng "chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa được áp dụng như các quy định về thuế đối với chứng khoán cho đến khi có chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam". Diễn

biến này không chỉ thay đổi căn bản bối cảnh nghiên cứu mà còn tạo ra cơ hội quý báu để đánh giá thực tiễn một mô hình quản lý thuế đang được triển khai đối với tài sản số.

Bài viết này hướng tới ba mục tiêu chính: (i) Hệ thống các thách thức trong quản lý thuế đối với tài sản số; (ii) Phân tích kinh nghiệm quốc tế về chính sách và thực thi thuế đối với tài sản số; (iii) Đánh giá mô hình thí điểm hiện tại và khuyến nghị hoàn thiện chính sách thuế trong giai đoạn thí điểm tại Việt Nam.

2. Tổng quan về tài sản số và các vấn đề thuế liên quan

Tài sản số được định nghĩa là bất kỳ đại diện kỹ thuật số nào về giá trị được ghi lại trên sổ cái phân tán được bảo mật bằng mật mã. Phạm vi của khái niệm này bao gồm token độc nhất (NFTs), tiền ảo (virtual currency), tiền mã hóa (cryptocurrency), có thể chuyển đổi được (Baer, 2023). Hiểu đơn giản hơn, tài sản số bao trùm ba nhóm chính: (i) Tiền tệ kỹ thuật số; (ii) Tài sản vô hình (tài sản trong game, tài sản trí tuệ, video, tranh ảnh kỹ thuật số); và (iii) Tài sản vật chất được số hóa (tranh ảnh vật lý, tài sản tài chính như bất động sản, chứng khoán, giấy tờ, bằng cấp). Tài sản số không phải là tài sản thực theo nghĩa truyền thống và không do ngân hàng trung ương phát hành; tuy nhiên, với xu hướng phát triển mạnh mẽ, nhiều quốc gia đã bắt đầu công nhận giá trị thực

tế của chúng, coi tài sản số có giá trị tương đương tiền thật hoặc thay thế cho tiền thật (Solodan, 2019). Minh chứng là tiền mã hóa ngày càng được sử dụng rộng rãi để thanh toán hàng hóa và dịch vụ, giao dịch giữa người dùng và trao đổi lấy tiền thật hoặc các tài sản số khác.

Nhận thức xu hướng này, các chính phủ đang từng bước điều chỉnh chính sách để bắt kịp tốc độ áp dụng tài sản và công nghệ kỹ thuật số trong nền kinh tế hiện đại. Minh chứng rõ nét là sự xuất hiện của tiền tệ kỹ thuật số của ngân hàng trung ương (CBDC), dần hình thành trong môi trường tiền tệ kỹ thuật số. Sự khác biệt cơ bản giữa CBDC và các loại tài sản số thông thường nằm ở tính ổn định: Trong khi tài sản số thường có giá biến động mạnh, CBDC duy trì được sự ổn định nhờ vào bảo chứng từ ngân hàng trung ương, giúp việc áp dụng thuế đối với CBDC trở nên dễ dàng hơn so với các loại tài sản số khác vốn thường khó xác định giá trị chính xác tại thời điểm giao dịch, từ đó tạo ra những khó khăn đáng kể trong quá trình định giá tài sản cho mục đích tính thuế.

Giao dịch tài sản số diễn ra với đa dạng hình thức, phức tạp về bản chất và quy trình thực hiện, nhưng hiện nay có rất ít hướng dẫn cụ thể về cách đánh thuế chúng, đặc biệt trong bối cảnh thiếu vắng khuôn khổ pháp lý toàn cầu thống nhất. Việc hiểu rõ bản chất tài sản và các luồng

giao dịch liên quan là chìa khóa để xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng (GTGT) và các loại thuế khác, mặc dù thường không có sự đồng thuận quốc tế về vấn đề này. Krivtsov (2019) chỉ ra rằng, sự thiếu vắng khuôn khổ thuế quốc tế thống nhất đối với tài sản số tạo ra cơ hội tối ưu hóa thuế xuyên biên giới, đồng thời làm tăng rủi ro đánh thuế không đầy đủ hoặc trùng lặp đối với cùng một hoạt động kinh tế, dẫn đến những hệ quả tiêu cực cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế ở các quốc gia khác nhau.

Đối với thuế trực thu, sự phức tạp chủ yếu nằm ở việc phân loại thu nhập phát sinh liên quan đến tiền số, đặc biệt trong môi trường hợp đồng thông minh, nơi việc xác định bản chất của các khoản thu nhập thứ cấp mà người đóng góp nhận được từ việc bán tài sản điện tử tiếp theo là thách thức không nhỏ: Liệu những khoản này có được phân loại là các khoản thu thông thường, tiền bản quyền hay về bản chất là vốn hay không? Câu trả lời cho vấn đề này sẽ dẫn đến các quy định khác nhau về khấu trừ và xử lý thuế thu nhập cá nhân hoặc doanh nghiệp, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người nộp thuế và hiệu quả quản lý của cơ quan thuế.

Đối với thuế gián thu, yếu tố then chốt nằm ở việc xác định loại nguồn cung cấp được thực hiện liên quan đến tài sản số: Liệu đó là giao dịch về hàng hóa, dịch vụ

hay giao dịch tiền tệ? Xu và cộng sự (2019) chỉ ra rằng, sự mơ hồ trong định nghĩa và phân loại giao dịch tài sản kỹ thuật số tạo ra thách thức đáng kể trong việc áp dụng quy tắc thuế gián thu hiện hành. Thêm vào đó, việc xác định chính xác địa điểm cung cấp cũng là một vấn đề phức tạp, đặc biệt khi thuế gián thu thường được đánh theo nguyên tắc xuất xứ hoặc điểm đến; nếu không xác định rõ địa điểm cung cấp, có thể dẫn đến việc xác định sai thuế, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước hoặc tạo gánh nặng không cần thiết cho người nộp thuế.

Mức độ phức tạp về thuế, theo quan sát chung, có xu hướng tỉ lệ thuận với mức độ doanh nghiệp đưa tài sản và công nghệ kỹ thuật số vào hoạt động kinh doanh, nghĩa là, càng tích hợp sâu tài sản kỹ thuật số vào mô hình kinh doanh, doanh nghiệp càng phải đối mặt với nhiều vấn đề thuế phức tạp và đa chiều. Do đó, các tác động về thuế cần được cân nhắc kỹ lưỡng để đánh giá trước khi các doanh nghiệp thực hiện bất kỳ sự mở rộng đáng kể nào đối với hoạt động tài sản kỹ thuật số hoặc tiền điện tử. Đồng thời, điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với cơ quan thuế và cơ quan thực thi pháp luật: Cần có những hiểu biết sâu sắc hơn về các phân khúc quan trọng của không gian tài sản tiền điện tử để bảo đảm việc thu thuế hiệu quả, minh bạch và công bằng, phù hợp với nguyên tắc chung của hệ thống thuế hiện đại, đặc biệt trong bối

cảnh toàn cầu hóa và số hóa ngày càng sâu rộng của nền kinh tế.

3. Thách thức về thuế đối với tài sản số

Tài sản số và các hoạt động giao dịch liên quan tạo ra một hệ sinh thái tài chính phi tập trung phức tạp. Bản chất của nhiều loại tài sản số nằm ở việc sử dụng sổ cái công khai phân tán để chứng minh quyền sở hữu - cách tiếp cận khác biệt với tài sản truyền thống. Thông qua mật mã, mạng ngang hàng và công nghệ sổ cái phân tán, tài sản số tạo ra không gian kinh tế vượt khỏi khuôn khổ địa lý và pháp lý truyền thống. Vì vậy, việc thiết kế khung thuế phù hợp là thách thức lớn với cơ quan quản lý.

3.1. Liên quan tới tính ẩn danh của các tài sản số

Thuế đánh vào thu nhập thường dựa trên hai nguyên tắc: Cư trú và nguồn thu nhập (cơ sở thường trú) của chủ thể tạo ra thu nhập. Khi có thu nhập xuyên biên giới, việc xác định cơ sở thường trú, nơi cư trú trở thành căn cứ quan trọng để xác định nghĩa vụ thuế, nơi kê khai nộp thuế, và cơ sở áp dụng hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Các nguyên tắc này vận hành hiệu quả trong nền kinh tế truyền thống, nơi hoạt động kinh tế và chủ thể tham gia được xác định rõ về mặt địa lý và pháp lý. Tuy nhiên, đặc tính nổi bật của giao dịch blockchain là tính ẩn danh - cho phép người dùng tương tác mà không cần tiết lộ chi tiết nhận dạng. Morton và

Curran (2022) chỉ ra rằng, tính ẩn danh này không chỉ là tính năng kỹ thuật mà còn là giá trị cốt lõi được nhiều người tham gia thị trường tiền mã hóa đề cao. Hệ quả là, các doanh nghiệp và cá nhân sử dụng tài sản số có thể không có dữ liệu cần thiết để xác định vị trí địa lý thực tế của người dùng - yếu tố then chốt trong xác định nghĩa vụ thuế.

Thách thức này đặc biệt phức tạp trong giao dịch tiền mã hóa, nơi một cá nhân có thể sở hữu nhiều ví điện tử, giao dịch qua nhiều sàn phi tập trung, và chuyển tài sản giữa các ví mà không để lại dấu vết về danh tính. Baer và cộng sự (2023) phân tích rằng, tính ẩn danh tạo ra thách thức kép cho cơ quan thuế: Khó xác định người sở hữu tài sản chịu nghĩa vụ thuế; và ngay cả khi xác định được, việc theo dõi giá trị tài sản và lợi nhuận phát sinh cũng cực kỳ khó khăn. Ngay cả khi xác định được danh tính người sở hữu, vấn đề tiếp theo là xác định phạm vi tài sản họ sở hữu - thách thức lớn trong môi trường phi tập trung của blockchain, nơi một cá nhân có thể sở hữu vô số ví điện tử không liên kết. Đây là thách thức cơ bản trong việc xác định nghĩa vụ thuế thu nhập đối với tài sản số, đòi hỏi các cơ quan quản lý phải phát triển công cụ và phương pháp mới để thích ứng.

Tương tự, việc xác định vị trí địa lý chính xác của người dùng trong giao dịch tài sản số gần như không thể



thực hiện bằng phương pháp truyền thống. Lý do là các doanh nghiệp thường không thu thập thông tin về vị trí địa lý người dùng - yếu tố quan trọng khi xác định đối tượng chịu thuế và cơ sở đánh thuế GTGT. Solodan (2019) nhấn mạnh, sự thiếu vắng thông tin định danh địa lý làm xói mòn khả năng các quốc gia thực thi chủ quyền thuế đối với hoạt động kinh tế trong không gian số phi biên giới.

3.2. Liên quan tới xác định bản chất giao dịch

Bên cạnh tính ẩn danh, thách thức quan trọng khác trong xác định khung thuế phù hợp với tài sản số nằm ở sự khó khăn về thông nhất định nghĩa và phân loại bản chất giao dịch. Có sự mơ hồ đáng kể trong việc xác định liệu một giao dịch tài sản số là chuyển giao hàng hóa, cung cấp dịch vụ, chuyển giao tài sản vô hình, hay giao dịch thuần túy về tài chính; đặc

biệt đối với thuế GTGT, câu hỏi đặt ra là: Liệu các giao dịch liên quan đến tài sản số có nên chịu thuế GTGT? Cụ thể, các hoạt động như bán tài sản số lấy tiền pháp định, trao đổi một tài sản số lấy hàng hóa hoặc dịch vụ, có nên được phân loại là giao dịch mua bán hàng hóa/dịch vụ chịu thuế GTGT, hay giao dịch tài sản nằm ngoài phạm vi GTGT? Ilham và cộng sự (2019) phân tích rằng, sự thiếu vắng khuôn khổ phân loại thống nhất về tài sản số tạo ra hệ quả đáng kể trong việc áp dụng thuế gián thu; trong khi cả người nộp thuế và cơ quan quản lý đều mong muốn cơ chế thuế GTGT đơn giản và nhất quán, việc đạt được đồng thuận vẫn là thách thức lớn trong bối cảnh nền kinh tế số không ngừng phát triển. Trường hợp minh họa là các giao dịch trong game trực tuyến nhiều người chơi (MMO), nơi người tham gia có thể thực hiện



nhiều loại giao dịch: Mua token/tài sản trong game, trao đổi hàng hóa ảo, đổi tiền tệ pháp định lấy tiền tệ trong game; mỗi loại giao dịch này có thể kích hoạt các bộ quy tắc thuế khác nhau, phụ thuộc vào cách phân loại: Sử dụng phiếu thưởng, nạp tiền vào ví điện tử, hay mua bán hàng hóa ảo có giá trị kinh tế thực.

Sự phức tạp sẽ gia tăng khi xét đến thời gian và địa điểm giao dịch: Khi trao đổi tiền "thế giới thực" lấy "tài sản ảo", thời điểm chính xác của giao dịch có thể khó xác định, đặc biệt trong hệ thống có độ trễ xử lý; đồng thời, địa điểm cung cấp - yếu tố quan trọng xác định thẩm quyền đánh thuế - trở nên mơ hồ trong không gian ảo, nơi người dùng có thể ở bất kỳ khu vực pháp lý nào, máy chủ đặt tại quốc gia khác, và giao dịch xử lý qua mạng lưới phân tán toàn cầu. Đây

là những thách thức mà hệ thống thuế hiện tại, vốn dựa trên các nguyên tắc về lãnh thổ và chủ quyền quốc gia, chưa thực sự chuẩn bị để đối phó hiệu quả. Một số quốc gia tiên phong đã đưa ra giải pháp bằng cách đồng nhất hoạt động trong thị trường thực với hoạt động trong không gian ảo, áp dụng chế độ thuế thống nhất; tuy nhiên, nhiều quốc gia vẫn chưa sẵn sàng cho việc tích hợp giữa thực tế ảo và nền kinh tế thực, khiến doanh nghiệp trong không gian metaverse (không gian số mô phỏng thế giới thực) phải đối mặt với mạng lưới phức tạp của các quy định thuế GTGT từ nhiều quốc gia. Xu hướng đang hình thành là: Khi hoạt động trong thế giới ảo dẫn đến sự kiện có giá trị kinh tế thực, sự kiện đó có thể là đối tượng chịu thuế GTGT; nguyên tắc này đang được áp dụng rộng rãi hơn, nhưng vẫn còn nhiều "vùng xám" trong việc xác định "giá trị kinh tế thực" của giao dịch trong không gian số.

3.3. Một số thách thức khác

- Thách thức về yêu cầu dữ liệu: Để quản lý thuế hiệu quả đối với tài sản số, cơ quan thuế cần thu thập và phân tích lượng lớn dữ liệu phức tạp từ nhiều nguồn. Việc thu thập này đối mặt với nhiều rào cản: Yêu cầu dữ liệu có thể được coi là xâm lấn quyền riêng tư; và việc phân tích dữ liệu blockchain đòi hỏi công cụ kỹ thuật chuyên sâu mà nhiều cơ quan thuế chưa

sở hữu. Theo Xu (2019), hệ thống thuế truyền thống được thiết kế để xử lý dữ liệu có cấu trúc, trong khi dữ liệu giao dịch tài sản số thường là dữ liệu phi cấu trúc hoặc bán cấu trúc, đòi hỏi phương pháp phân tích khác.

- Thách thức về năng lực kỹ thuật: Cả cơ quan thuế và người nộp thuế đều phải đối mặt với thách thức về năng lực kỹ thuật khi làm việc với tài sản số. Đối với cơ quan thuế, việc thiếu nhân lực có chuyên môn trong lĩnh vực blockchain và công nghệ kỹ thuật số là điểm nghẽn đáng kể. Ngay cả doanh nghiệp cũng gặp khó khăn trong việc theo dõi và báo cáo chính xác các giao dịch tài sản số, đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và vừa với nguồn lực công nghệ hạn chế.

- Rào cản ngôn ngữ và sự khác biệt văn hóa: Trong bối cảnh kinh tế số toàn cầu, rào cản ngôn ngữ và sự khác biệt văn hóa là thách thức đáng kể trong việc áp dụng và thực thi quy định thuế đối với tài sản số. Các thuật ngữ kỹ thuật liên quan đến blockchain và tài sản kỹ thuật số thường rất chuyên biệt và có thể hiểu khác nhau trong các ngôn ngữ và văn hóa khác nhau, dẫn đến hiểu lầm giữa người nộp thuế và cơ quan thuế, hoặc giữa các cơ quan thuế của các quốc gia khác nhau.

4. Kinh nghiệm quốc tế về thuế đối với tài sản số

Việc đánh thuế đối với tài sản số, đặc biệt là tiền điện tử, khác nhau tùy theo từng

quốc gia, dựa trên cách họ phân loại và quản lý loại tài sản này. Với các quốc gia đã thừa nhận tiền điện tử là phương thức thanh toán hợp pháp, họ thường đánh các loại thuế gồm thuế lãi vốn, thuế thu nhập hoặc trong nhiều trường hợp không đánh thuế (hoặc miễn thuế). Trong đó, thuế lãi vốn áp dụng khi bán hoặc trao đổi tài sản số và có lợi nhuận; thuế thu nhập áp dụng cho các hoạt động khai thác, đặt cược, nhận thưởng hoặc thu nhập liên quan đến tiền điện tử; miễn thuế: Một số quốc gia (như Singapore...) miễn thuế lãi vốn, tạo môi trường thuận lợi cho nhà đầu tư.

4.1. Thuế trực thu (thuế thu nhập và thuế lãi vốn)

Tại Hoa Kỳ, Cơ quan Thuế vụ (IRS) coi tiền điện tử và NFT là tài sản, không phải tiền tệ. Tài sản này phải nộp thuế thu nhập khi bán/trao đổi tài sản số có lãi. Áp dụng thuế suất tùy theo thời gian nắm giữ: Ngắn hạn (<1 năm) từ 10 - 37%, dài hạn (>1 năm) từ 0 - 20%. Người nộp thuế được yêu cầu phải kê khai tất cả các giao dịch trên 10.000 USD cho mỗi lần giao dịch. Cho phép bù trừ lỗ lên tới 3.000 USD, áp dụng thuế với cả giao dịch chuyển đổi giữa các loại tiền điện tử.

Tại Anh, lợi nhuận trên 6.000 bảng (GBP) chịu thuế lãi vốn lên tới 20% phần thường khai thác và airdrop (một giao thức blockchain phân phối token hoặc tài sản kỹ thuật số cho người

Bảng 1 So sánh các quy định về thuế trực thu đối với tài sản điện tử

Quốc gia	Phân loại	Thuế lãi vốn	Thuế thu nhập	Lưu ý
Hoa Kỳ	Tài sản	10 - 37% cho tài sản nắm giữ dưới 1 năm, 0 - 20% cho tài sản nắm giữ dài hạn	Áp dụng cho khai thác, đặt cược, nhận lương	Tiền điện tử được xem là tài sản
Đức	Tài sản cá nhân	Miễn thuế nếu nắm giữ > 1 năm	0 - 45% nếu bán trong 1 năm và lợi nhuận > 600 EUR	Miễn thuế lãi vốn khi giữ tài sản lâu dài
Vương quốc Anh	Tài sản	20% nếu lợi nhuận > 6.000 GBP	0 - 45% tùy thu nhập	Lợi nhuận từ tiền điện tử chịu thuế lãi vốn
Singapore	Tài sản	Miễn thuế lãi vốn	Chỉ áp dụng cho thu nhập từ kinh doanh	
Nhật Bản	Tài sản	5 - 45% tùy thu nhập	Thêm thuế cư dân 10%	Coi tiền điện tử là thu nhập chịu thuế
Úc	Tài sản	Giảm 50% thuế nếu nắm giữ > 12 tháng	Áp dụng cho thu nhập từ kinh doanh	Chính sách ưu đãi giữ tài sản dài hạn
El Salvador	Tiền tệ hợp pháp	Miễn thuế cho nhà đầu tư nước ngoài	Không quy định	Bitcoin được công nhận là tiền tệ hợp pháp

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

dùng) chịu thuế thu nhập lên tới 45%.

Tại Úc, áp dụng cả thuế thu nhập và thuế lãi vốn tùy đối tượng, giảm 50% thuế lãi vốn cho tài sản nắm giữ trên 12 tháng, cho phép bù trừ lỗ với lãi vốn.

Tại Singapore, không đánh thuế lãi vốn. Thay vào đó, quốc gia này chỉ đánh thuế thu nhập nếu đầu tư/kinh doanh tiền điện tử thường xuyên. Singapore cũng áp dụng thuế hàng hóa và dịch vụ (GST) 7% cho các giao dịch tài sản số từ năm 2020. Mức thuế suất GST từ ngày 01/01/2025 đã tăng lên thành 9%.

Tại Nhật Bản, coi thu nhập từ tiền điện tử là thu nhập khác, đồng thời áp thuế lũy tiến từ 15 - 55% tùy mức thu nhập. Cơ quan Thuế Nhật Bản yêu cầu sàn giao dịch báo cáo thông tin khách hàng có giao dịch trên 10 triệu yên/năm.

Tại Hàn Quốc, từ năm 2022 áp thuế 20% với lợi nhuận từ tài sản số trên 2,5 triệu won. Theo đó, các Sàn giao dịch phải báo cáo thông tin giao dịch của người dùng. Quốc gia này cũng đang xem xét áp dụng khung thuế riêng cho NFT.

Tại Liên minh châu Âu

(EU), chưa có quy định thống nhất, mỗi nước thành viên có chính sách riêng. Mặc dù vậy, đa số các nước coi tài sản số là tài sản đầu tư, áp thuế thu nhập hoặc thuế lãi vốn. Trong khi đó, một số nước miễn thuế cho giao dịch nhỏ lẻ hoặc nắm giữ dài hạn.

Nhìn chung, các nước đều có xu hướng coi tài sản số là tài sản chịu thuế. Tuy nhiên, các nước phát triển thường có khung pháp lý rõ ràng hơn. Mức thuế và cách tính thuế vẫn còn khá khác biệt giữa các quốc gia. (Bảng 1)

4.2. Thuế gián thu

Việc áp dụng thuế gián thu, như thuế GTGT hoặc GST, đối với giao dịch mua bán tài sản số (chẳng hạn như tiền điện tử) khác nhau tùy theo từng quốc gia. Cụ thể như:

Thuế bán hàng tại Hoa Kỳ: Tiền điện tử được coi là tài sản, do đó, việc sử dụng tiền điện tử để mua hàng hóa hoặc dịch vụ có thể phải chịu thuế bán hàng, tùy thuộc vào quy định của từng bang.

Thuế GTGT tại EU: Theo phán quyết của Tòa án công lý EU, việc trao đổi tiền điện tử sang tiền pháp định được miễn thuế GTGT. Tuy nhiên, việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ được thanh toán bằng tiền điện tử phải chịu thuế GTGT. Cả EU và Anh đều áp dụng thuế dịch vụ kỹ thuật số cho doanh nghiệp trung gian trực tuyến lớn. Theo quy định của EU, việc cung cấp hàng hóa và

Bảng 2 Tổng hợp các quy định về thuế gián thu đối với tài sản điện tử tại một số quốc gia/khu vực			
Quốc gia	Loại thuế áp dụng	Mức thuế/ Quy định cụ thể	Ghi chú
Hoa Kỳ	Thuế bán hàng	Áp dụng tại một số bang; mức thuế khác nhau (0 - 10% tùy bang)	Tiền điện tử được coi là tài sản; thuế áp dụng khi sử dụng tiền điện tử để mua hàng hóa/dịch vụ
EU	Thuế GTGT	20 - 25%, tùy từng nước thành viên	Miễn thuế GTGT khi trao đổi tiền điện tử sang tiền pháp định, nhưng thuế GTGT áp dụng khi mua hàng hóa
Anh	Thuế GTGT	20% (mức chuẩn thuế GTGT)	Thuế GTGT áp dụng cho các giao dịch hàng hóa/dịch vụ bằng tiền điện tử, không áp dụng cho trao đổi tiền
Đức	Thuế GTGT	19% (mức chuẩn thuế GTGT)	Miễn thuế GTGT đối với trao đổi tiền điện tử; áp dụng thuế GTGT cho hàng hóa và dịch vụ
Nhật Bản	Thuế tiêu dùng	10%	Áp dụng cho hàng hóa và dịch vụ mua bằng tiền điện tử
Úc	GST	10%	Không áp dụng GST cho trao đổi tiền điện tử, nhưng có áp dụng cho hàng hóa/dịch vụ
Singapore	GST	8% từ năm 2023, tăng lên 9% vào năm 2024	Không áp dụng GST cho trao đổi tiền điện tử
Hàn Quốc	Thuế GTGT	10%	Đã thảo luận áp dụng thêm thuế bổ sung cho giao dịch tiền điện tử
Ấn Độ	GST	18%	GST áp dụng cho giao dịch trên các sản phẩm giao dịch tiền điện tử
Indonesia	Thuế GTGT	0,1% trên giá trị giao dịch tài sản điện tử	Áp dụng từ 2022, một trong các mức thuế GTGT thấp nhất
EI Salvador	Không áp dụng thuế gián thu		Bitcoin được coi là tiền tệ hợp pháp, không có thuế GTGT hoặc GST áp dụng

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

dịch vụ, bao gồm cả những giao dịch liên quan đến tài sản số, thường phải chịu thuế GTGT. Từ ngày 01/7/2021, EU đã áp dụng ngưỡng doanh thu mới cho các doanh nghiệp bán hàng hóa và dịch vụ xuyên biên giới: Nếu tổng doanh thu từ bán hàng hóa và dịch vụ cho người tiêu dùng trong EU vượt quá 10.000 euro trong một năm, doanh nghiệp phải đăng ký

thuế GTGT tại từng quốc gia thành viên nơi họ có khách hàng hoặc sử dụng hệ thống One Stop Shop (OSS) để khai báo và nộp thuế GTGT.

Tại Singapore, áp dụng chính sách miễn thuế hàng hóa và dịch vụ GST cho thanh toán bằng tiền điện tử.

Tại Indonesia, từ ngày 01/5/2022, áp dụng thuế

GTGT 0,1% trên giá trị giao dịch tài sản tiền điện tử.

Tại Ấn Độ, từ tháng 10/2020, áp dụng thuế tại nguồn (TDS) đối với các giao dịch tiền điện tử, yêu cầu sàn thương mại điện tử thu GST và nộp cho chính phủ. (Bảng 2)

5. Đề xuất chính sách thuế đối với tài sản số cho Việt Nam

5.1. Thực trạng pháp lý về tài sản số tại Việt Nam

Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc xây dựng khung pháp lý cho tài sản số, đặc biệt với hai cột mốc quan trọng trong năm 2025. Trước hết, Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 đã đưa ra định nghĩa pháp lý chính thức về tài sản số. Theo Điều 46 của Luật: "Tài sản số là tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự, được thể hiện dưới dạng dữ liệu số, được tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực bởi công nghệ số trên môi trường điện tử". Điều 47 Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 tiếp tục phân loại tài sản số thành "tài sản ảo" và "tài sản mã hóa", đồng thời phân biệt chúng với chứng khoán và các dạng số của tiền pháp định.

Tuy nhiên, bước ngoặt quan trọng nhất đã diễn ra vào ngày 09/9/2025 khi Chính phủ chính thức ban hành Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam. Nghị quyết này đánh dấu sự chuyển mình từ "vùng xám" pháp lý

sang một khung quản lý cụ thể và toàn diện. Theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết, tài sản mã hóa được định nghĩa là "một loại tài sản số mà sử dụng công nghệ mã hóa hoặc công nghệ số có chức năng tương tự để xác thực đối với tài sản trong quá trình tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao", đồng thời làm rõ rằng tài sản mã hóa "không bao gồm chứng khoán, các dạng số của tiền pháp định và tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật về dân sự, tài chính".

Thị trường thí điểm được thiết kế với những đặc điểm riêng biệt phản ánh cách tiếp cận thận trọng của Việt Nam. Chỉ các doanh nghiệp Việt Nam mới được phép phát hành tài sản mã hóa, và điều đáng chú ý là tài sản mã hóa chỉ được chào bán cho nhà đầu tư nước ngoài (khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP). Đối với nhà đầu tư trong nước, họ chỉ được giao dịch những tài sản mã hóa mà họ đã sở hữu trước đó thông qua các tổ chức cung cấp dịch vụ được Bộ Tài chính cấp phép (khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP). Cách tiếp cận này cho thấy Việt Nam muốn kiểm soát chặt chẽ dòng vốn trong nước đầu tư vào tài sản mã hóa trong giai đoạn đầu.

Về cơ chế quản lý, Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP thiết lập một hệ thống giám sát nghiêm ngặt với vai trò cơ quan quản lý chính là Bộ Tài chính. Các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

phải đáp ứng những điều kiện cực kỳ khắt khe, bao gồm vốn điều lệ tối thiểu 10.000 tỉ đồng, trong đó tối thiểu 65% vốn điều lệ do các tổ chức góp và trên 35% từ ít nhất hai đơn vị là ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, quản lý quỹ, bảo hiểm hoặc doanh nghiệp công nghệ (Điều 8). Nghị quyết cũng quy định rằng chỉ được lựa chọn tối đa 5 tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa trong thời gian thí điểm (điểm đ khoản 1 Điều 17), thể hiện sự kiểm soát chặt chẽ về quy mô thị trường.

Đặc biệt, Nghị quyết đã giải quyết một trong những vấn đề cốt lõi (và cũng chính là trọng tâm của bài viết này): Chính sách thuế đối với tài sản mã hóa. Theo khoản 9 Điều 4 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP: "Chính sách thuế đối với giao dịch, chuyển nhượng, kinh doanh tài sản mã hóa được áp dụng như các quy định về thuế đối với chứng khoán cho đến khi có chính sách thuế đối với thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam". Quy định này dù chỉ mang tính tạm thời, song đã hình thành rõ ràng khuôn khổ pháp lý cho thị trường tài sản mã hóa trong giai đoạn đầu.

Thời gian thí điểm được quy định là 05 năm kể từ ngày 09/9/2025 (khoản 2 Điều 18), tạo ra một khung thời gian đủ dài để đánh giá hiệu quả của mô hình quản lý và điều chỉnh chính sách phù hợp. Nghị quyết cũng quy định rõ trách nhiệm của

các cơ quan quản lý, trong đó Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Ngân hàng Nhà nước và Bộ Công an trong việc quản lý, giám sát thị trường (khoản 1 Điều 17).

Nhìn chung, với sự ra đời của Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP, Việt Nam đã chuyển từ giai đoạn thiếu vắng khung pháp lý sang một mô hình quản lý có kiểm soát và thận trọng. Dù vẫn còn nhiều điểm cần được hướng dẫn cụ thể (đặc biệt trong lĩnh vực thuế), khung pháp lý hiện tại đã cung cấp nền tảng vững chắc cho sự phát triển có trật tự của thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

5.2. Đề xuất khung pháp lý và chính sách thuế đối với tài sản số tại Việt Nam

Dựa trên kinh nghiệm quốc tế đã phân tích và đặc điểm riêng của mô hình thị trường Việt Nam, nghiên cứu này đề xuất một số khuyến nghị để hoàn thiện chính sách thuế trong thời gian thí điểm và chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo.

Thứ nhất, cần sớm ban hành hướng dẫn chi tiết về áp dụng chế độ thuế chứng khoán đối với tài sản mã hóa. Mặc dù Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP đã quy định nguyên tắc chung, nhưng tính chất đặc thù của tài sản mã hóa đòi hỏi những hướng dẫn dẫn cụ thể hơn. Cụ thể, cần làm rõ: (i) Cách xác định giá vốn đối với tài sản mã hóa, đặc biệt trong trường hợp nhà đầu tư sở hữu cùng loại tài sản mã hóa qua nhiều lần mua với giá khác nhau; (ii) Thời điểm xác định

nghĩa vụ thuế, có thể áp dụng nguyên tắc "realized gain" ("lời thực", có được sau khi kết thúc một vòng đầu tư, từ lúc mua tới lúc bán) như đối với chứng khoán; (iii) Xử lý thuế đối với các hoạt động đặc thù của tài sản mã hóa như "airdrop" (phân phối token miễn phí), "staking"² (khóa tài sản để nhận thưởng), "farming"³ (canh tác lợi nhuận). Việc này đặc biệt quan trọng khi xét trong thời gian thí điểm, chỉ có tối đa 5 tổ chức cung cấp dịch vụ được cấp phép, tạo ra môi trường tương đối đơn giản để thực hiện và giám sát.

Thứ hai, xây dựng cơ chế giám sát và thu thuế hiệu quả phù hợp với đặc điểm thị trường thí điểm. Ưu điểm của mô hình thí điểm hiện tại là số lượng các tổ chức cung cấp dịch vụ được giới hạn và tất cả đều phải được Bộ Tài chính cấp phép. Điều này tạo ra cơ hội lý tưởng để xây dựng hệ thống báo cáo thuế tự động, tương tự như mô hình của Nhật Bản và Hàn Quốc. Cụ thể, các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa nên được yêu cầu: (i) Báo cáo định kỳ về các giao dịch của nhà đầu tư có giá trị trên một ngưỡng nhất định (có thể tham khảo ngưỡng 10 triệu yên của Nhật Bản, tương đương khoảng 2 tỉ VND); (ii) Cung cấp báo cáo thuế tổng hợp hàng năm cho từng nhà đầu tư, tương tự như mô hình 1099 của Hoa Kỳ; (iii) Thực hiện khấu trừ thuế tại nguồn đối với một số loại giao dịch nhất định, giúp cải thiện tỉ lệ tuân thủ và giảm gánh nặng cho cơ quan thuế.

Thứ ba, cần nhắc áp dụng chính sách thuế gián thu phù hợp trong bối cảnh thí điểm. Hiện tại, Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP chưa đề cập cụ thể đến thuế gián thu đối với tài sản mã hóa. Dựa trên kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt là mô hình của EU và Singapore, Việt Nam có thể xem xét: (i) Miễn thuế GTGT đối với các giao dịch trao đổi tài sản mã hóa lấy tiền pháp định, tương tự như cách tiếp cận của EU đối với giao dịch tiền tệ; (ii) Áp dụng thuế GTGT bình thường (10%) đối với việc sử dụng tài sản mã hóa để mua hàng hóa và dịch vụ, bảo đảm sự công bằng giữa các phương thức thanh toán; (iii) Xem xét áp dụng một mức thuế giao dịch thấp (0,1% như Indonesia) trên các giao dịch tại sàn, vừa tạo nguồn thu vừa là công cụ giám sát thị trường. Tuy nhiên, do đặc điểm của thị trường thí điểm chỉ phục vụ nhà đầu tư nước ngoài, việc áp dụng thuế gián thu cần được cân nhắc kỹ lưỡng để không làm giảm tính cạnh tranh của thị trường.

Thứ tư, chuẩn bị khung chính sách thuế toàn diện cho giai đoạn mở rộng thị trường. Mô hình thí điểm hiện tại với việc hạn chế nhà đầu tư trong nước chỉ là bước đầu. Trong tương lai, khi thị trường được mở rộng cho nhà đầu tư trong nước, cần có những điều chỉnh chính sách phù hợp. Học hỏi từ kinh nghiệm của Úc và Đức, có thể xem xét: (i) Áp dụng ưu đãi thuế cho đầu tư dài hạn (năm giữ trên 12 tháng)

để khuyến khích đầu tư bền vững và hạn chế đầu cơ ngắn hạn; (ii) Thiết lập ngưỡng miễn thuế cho các giao dịch nhỏ lẻ (tương tự 600 EUR của Đức) để giảm gánh nặng tuân thủ; (iii) Cho phép bù trừ lỗ giữa các loại tài sản đầu tư, tạo ra tính công bằng trong hệ thống thuế. Đồng thời, cần xây dựng chính sách thuế khuyến khích cho các doanh nghiệp công nghệ Blockchain trong nước, học hỏi từ mô hình Singapore về việc tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo.

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế và chia sẻ thông tin thuế. Do đặc điểm xuyên biên giới của tài sản mã hóa và việc thị trường thí điểm chủ yếu phục vụ nhà đầu tư nước ngoài, Việt Nam cần tích cực tham gia các sáng kiến quốc tế về trao đổi thông tin thuế. Cụ thể: (i) Nghiên cứu tham gia Crypto-Asset Reporting Framework (CARF) của OECD khi được chính thức áp dụng; (ii) Ký kết hoặc sửa đổi các hiệp định tránh đánh thuế hai lần để bao gồm quy định về tài sản mã hóa; (iii) Thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin với các cơ quan thuế nước ngoài để ngăn chặn trốn thuế và đảm bảo thuế được nộp đúng nơi. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh nhiều nhà đầu tư nước ngoài có thể sử dụng thị trường Việt Nam để tối ưu hóa thuế.

Cuối cùng, cần có cơ chế đánh giá và điều chỉnh chính sách linh hoạt. Thị trường tài sản mã hóa phát triển rất nhanh với những sản phẩm và mô hình kinh doanh mới

liên tục xuất hiện. Do đó, chính sách thuế cần có tính linh hoạt để thích ứng. Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP đã quy định Bộ Tài chính phải báo cáo định kỳ 6 tháng về tình hình thực hiện (điểm e khoản 1 Điều 17), tạo ra cơ hội để điều chỉnh chính sách kịp thời. Trong các báo cáo này, cần đánh giá hiệu quả của chính sách thuế hiện tại, mức độ tuân thủ của nhà đầu tư và đề xuất các điều chỉnh cần thiết.▲

¹ Kinh nghiệm từ các quốc gia cho thấy việc nhận token miễn phí từ các dự án có thể

được xem là một khoản thu nhập tại thời điểm phát sinh. Giá trị tính thuế sẽ dựa trên giá trị thị trường của token đó vào ngày nhận. Nếu sau đó, tài sản này được bán với giá cao hơn, phần chênh lệch sẽ được xem là khoản lãi và có thể bị đánh thuế lãi vốn.

² Tại một số nước, khoản thưởng nhận được từ việc khóa tài sản mã hóa để hỗ trợ hoạt động của mạng lưới blockchain được coi là thu nhập từ hoạt động đầu tư. Thuế có thể được tính trên giá trị của phần thưởng tại thời điểm nhận

³ Tương tự như "staking", thực tiễn quốc tế cho thấy các token nhận được từ việc cung cấp thanh khoản hoặc cho vay trong các giao thức tài chính phi tập trung (DeFi) cũng được xem là thu nhập từ hoạt động đầu tư. Giá trị tính thuế là giá trị của các token này tại thời điểm nhận.

Tài liệu tham khảo:

1. Baer, K., De Mooij, R., Hebous, S., & Keen, M. (2023), *Taxing cryptocurrencies*. *Oxford Review of Economic Policy*, 39(3), pages 478-497.
2. Boston Consulting Group (2023), *BCG Global Asset Management 2023*.
3. Ilham, R. N., Erlina, K. A. F., Silalahi, A. S., Saputra, J., & Albra, W. (2019), *Investigation of the bitcoin effects on the country revenues via virtual tax transactions for purchasing management*. *International Journal of Supply Chain Management*, 8(6), pages 737-740.
4. Krivtsov, A. I. (2019), *Taxation of digital financial assets*. In *Growth poles of the Global Economy: Emergence, changes and future perspectives* (pages 1231-1239). Cham: Springer.
5. Morton, E. F., & Curran, M. F. (2022), *Technical and legal aspects of tax debt collection and cryptocurrencies*. *Australian Tax Forum*, 37(1), pages 1-26.
6. Solodan, K. (2019), *Legal regulation of cryptocurrency taxation in European countries*. *European Journal of Law and Public Administration*, 6(1), pages 64-74.
7. Solodan, K. (2019), *Legal regulation of cryptocurrency taxation in European countries*. *European Journal of Law and Public Administration*, 6(1), pages 64-74.
8. Xu, D. (2019), *Free money, but not tax-free: A proposal for the tax treatment of cryptocurrency hard forks*. *Actual Problems of Economics*, 1661.
9. Hoa Kỳ (2025), *Hướng dẫn về tài sản điện tử*, <https://www.irs.gov/vi/businesses/small-businesses-self-employed/digital-assets>
10. Liên minh châu Âu (EU) (2025), *Hướng dẫn về Thuế đối với Tài sản Kỹ thuật số*, https://ec.europa.eu/taxation_customs/business/company-tax/modernising-digital-economy_en
11. Vương quốc Anh (2025), *Thuế đối với tài sản tiền điện tử*, <https://www.gov.uk/government/publications/tax-on-cryptoassets>
12. Đức (2025), *Thuế đối với tiền điện tử*, <https://www.bundesfinanzministerium.de/Content/EN/Standardartikel/Topics/Taxation/Articles/cryptocurrencies.html>
13. Nhật Bản (2025), *Hướng dẫn về Tiền ảo*, https://www.nta.go.jp/english/taxes/individual/virtual_currency.html
14. Australia (2025), *Xử lý thuế đối với tiền điện tử*, <https://www.ato.gov.au/General/Gen/Tax-treatment-of-crypto-currencies-in-Australia---specifically-bitcoin/>
15. Singapore (2025), *Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST) đối với Token thanh toán kỹ thuật số*, [https://www.iras.gov.sg/taxes/goods-services-tax-\(gst\)/specific-topics/digital-payment-tokens](https://www.iras.gov.sg/taxes/goods-services-tax-(gst)/specific-topics/digital-payment-tokens)
16. Hàn Quốc (2025), *Dịch vụ thuế quốc gia Hàn Quốc*, <https://www.nts.go.kr/eng/>
17. Ấn Độ, *Dịch vụ thông tin thuế*. <https://www.incometaxindia.gov.in/Pages/tax-information-services.aspx>
18. Quốc hội (2025), *Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15*.
19. Quốc hội (2025), *Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam*.